

Bản án số: 150/2018/HS-ST
Ngày: 09-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Nam
2. Ông Thái Bình Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đào Công Lữ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1585/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Giang H, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường HV, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ làm bánh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành O (chết) và bà Phan Kim H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giam ngày 23/3/2017 (Có mặt).

Người làm chứng:

Ông Lê Văn B1, sinh năm 1972.

Trú tại: đường D, xã TQT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Người bào chữa:

Ông Hồ Hoài N, luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Trường Minh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành Giang Hải (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 23/3/2017 tại đường Đ, Ấp G, xã APT, huyện BC, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện BC kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Thành Giang H có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán, H tự nguyện giao nộp 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu H đang cầm trên tay phải qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 98,6633g, loại Methamphetamine (MA). H tiếp tục lấy từ trong túi xách màu xanh dương mà H đang đeo trước ngực 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7,4127g, loại MA (Kết luận giám định số 673/KLGD-H ngày 10/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận: Khoảng tháng 2/2017, H quen biết một người thanh niên tên B2 (không rõ lai lịch), đến đầu tháng 3/2017, B2 đặt vấn đề thuê H đi giao ma túy cho khách và nhận tiền công, H đồng ý. Phương thức giao như sau: B2 không trực tiếp gặp H mà sẽ điện thoại kêu H đến đường ADL, Phường X, Quận Y lấy ma túy được B2 để trong bọc nylon màu đen treo sẵn trên cây cột điện và đem đi giao theo sự hướng dẫn của B2, B2 thỏa thuận và nhận tiền bán ma túy từ các đối tượng người mua như thế nào H không rõ, H chỉ có nhiệm vụ đi giao ma túy và sau đó quay về đường ADL nhận tiền công. H đã 03 lần giao ma túy cho B2, cụ thể: Lần thứ nhất vào ngày 08/3/2017, H nhận và đem 01 gói ma túy (không rõ trọng lượng) đến chung cư Hoàng Quân, Ấp 3, xã An Phú Tây, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho một người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch) và quay lại điểm hẹn gặp B2 nhận 1.000.000 đồng tiền công; lần thứ hai vào ngày 22/3/2017, H mang 01 gói ma túy (không rõ trọng lượng) đến trước Bệnh viện 30/4 bán cho một người thanh niên (không rõ lai lịch), nhận tiền công 200.000 đồng; lần thứ ba vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 23/3/2017, H nhận được điện thoại của B2 kêu H đem ma túy đi giao cho T và hứa trả công H 1.000.000 đồng. Sau khi lấy 01 gói ma túy (không rõ số lượng), H điện thoại cho T và được T hẹn giao ma túy trước chung cư Hoàng Quân. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày H đến điểm hẹn, trong lúc chờ giao ma túy cho T thì bị Công an bắt quả tang như đã nêu trên.

Ngoài ra, ngày 21/3/2017, H đã đến đường DBT, Quận Y mua 10 gram ma túy đá của một người thanh niên tên H1 (không rõ lai lịch) giá 4.700.000 đồng với mục đích về sử dụng cho bản thân. Sau khi mua ma túy về H cất giấu trong túi xách màu xanh dương H đeo trước ngực chưa kịp sử dụng thì bị Công an bắt quả tang và thu giữ như nêu trên.

Đối với các đối tượng B, T và H1, do H khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 673/17 có chữ ký của GDV Trần Đình Hải và CBĐT Trần Xuân Trọng, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 túi xách màu xanh dương.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, Model: A1687, Hải khai sử dụng để liên lạc mua bán ma túy.

- Tiền ngân hàng Việt Nam: 6.000.000 đồng đã nộp kho bạc Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 xe gắn máy biển số 59P2-101.32, số máy: M827M-5011108, số khung: RP8M82111EV010232. Kết quả xác minh do anh Lê Đăng Đại D1 đăng ký chủ sở hữu. Đến khoảng tháng 11/2016, anh D1 bán lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị Yến K nhưng không làm thủ tục sang tên chỉ xác nhận bằng hợp đồng công chứng. Ngày 14/12/2016, chị Khoa bán lại chiếc xe này cho chị G và có làm hợp đồng ủy quyền, công chứng tại Văn phòng công chứng Quận B. Ngày 23/3/2017, chị G cho bạn trai là H mượn đi dự sinh nhật bạn. H đem xe của T đi giao dịch mua bán ma túy G hoàn toàn không biết. Lời khai của G phù hợp với lời khai của H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, nên Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe gắn máy trên cho chị G

Tại Bản cáo trạng số 76/CTr-VKS- P1 ngày 27/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội và đề nghị:

Áp dụng khoản 1; điểm m khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo H từ 08 đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 02 đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt từ 10 năm đến 12 năm tù.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000 đồng.

Luật sư N trình bày bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc giám định hàm lượng chất ma túy để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo và xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) vì bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, gia đình có công cách mạng, cha mất, mẹ đau ốm, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây hậu quả.

Viện kiểm sát tranh luận đối đáp: Theo quy định thì trường hợp của bị cáo không cần phải giám định hàm lượng chất ma túy nên lời bào chữa của luật sư là không có cơ sở.

Tại phiên tòa,

Bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của bị cáo:

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 98,6633 gram và tàng trữ trái phép chất ma túy loại MA có khối lượng là 7,4127 gram. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m khoản 2 Điều 194 và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới chế độ quản lý của Nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy, làm gia tăng tệ nạn ma túy, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để giáo dục bị cáo nói riêng và để đảm bảo việc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Về phần bào chữa của luật sư: Hội đồng xét xử đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, thái độ ăn năn hối cải; do đó áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hình phạt bổ sung:

Cần buộc bị cáo Hải nộp phạt một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe gắn máy biển số 59P2-101.32. số máy: M827M-5011108, số khung: RP8M82111EV010232, đã trả lại cho bà G theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 18/7/2017 nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 túi xách màu xanh dương và 01 điện thoại di động Iphone, model: A1687, là phương tiện phạm tội. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

- Đối với 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 673/17 có chữ ký của GĐV Trần Đình Hải và CBĐT Trần Xuân Trọng, bên trong là ma túy còn lại sau giám định, là chất cấm lưu hành. Do đó, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 6.000.000 đồng, là tiền của bị cáo Hải, không liên quan đến vụ án. Do đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo H, nhưng tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Giang H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1; điểm m khoản 2, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Giang H 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2017.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Giang H nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 673/17 có chữ ký của GĐV Trần Đình Hải và CBĐT Trần Xuân Trọng, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) túi xách màu xanh dương; 01 (một) điện thoại di động Iphone, model: A1687

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 367/17 ngày 23/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành Giang H: 6.000.000 (sáu triệu) đồng, nhưng tạm giữ lại số tiền này để đảm bảo thi hành án (Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 31/3/2017 của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 13/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thành Giang H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo Nguyễn Thành Giang H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Trại giam; (2)
- Bị cáo; (1)
- Người bào chữa; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (19) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình